

Số: 2553 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 682/TTr-SCT ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ (đề th/hiện);
- Bộ Công Thương (đề b/cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (đề b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CN (T636).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN), góp phần xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Khuyến khích chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

- Hình thành được các sản phẩm, nhóm sản phẩm có sức cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh trong các sản phẩm công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; gia tăng giá trị và nâng hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm CN-TTCN.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh và thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện được các đề án khuyến công điểm có tác động lan tỏa, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ xây dựng được 12 mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới.

- Hỗ trợ được 38 cơ sở CNNT ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN.

- Hỗ trợ được 07 cơ sở CNNT ứng dụng dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ, công nghệ tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN.

- Hỗ trợ xây dựng được 02 mô hình thí điểm về sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho 05 cơ sở CNNT.
- Hỗ trợ tổ chức được 02 hội chợ triển lãm trong nước ((kết hợp cả nguồn Trung ương và đối ứng của địa phương) .
- Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia 36 hội chợ triển lãm trong nước.
- Hỗ trợ tổ chức 12 phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn.
- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho 04 cụm công nghiệp.
- Hỗ trợ được 32 cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm CNNT.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, MỨC CHI VÀ THỜI GIAN ÁP DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo Điều 2, Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hoá, cụ thể:

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).
- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.
- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Phạm vi áp dụng

Thực hiện theo Điều 5, Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

3. Mức chi cho các nội dung khuyến công

Áp dụng theo Điều 7 và Điều 8, Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

4. Thời gian áp dụng

Từ năm 2022 đến hết năm 2025

III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới trong sản xuất CN-TTCN

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới.

- Công nghệ mới được lựa chọn xây dựng mô hình trình diễn phải nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường so với công nghệ các cơ sở CNNT trên địa bàn đang áp dụng do cơ quan quản lý chương trình khuyến công xem xét, quyết định.

2. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến; dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ, công nghệ tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN

- Phối hợp với các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh nghiên cứu tính năng kỹ thuật mới tiên tiến của các loại máy móc thiết bị trên thị trường phù hợp với hình thức, chất lượng sản phẩm của đơn vị cũng như đặc thù nguồn nguyên liệu tại địa phương, lập phương án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng đề án khuyến công để đăng ký thụ hưởng chương trình hỗ trợ.

- Máy móc tiên tiến được hỗ trợ ứng dụng là máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới. Riêng đối với dây chuyền công nghệ được hỗ trợ phải đảm bảo là hệ thống các máy móc, thiết bị, công cụ, phương tiện được bố trí lắp đặt theo sơ đồ, quy trình công nghệ, vận hành đồng bộ để sản xuất sản phẩm.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở CNNT

- Hỗ trợ tư vấn, đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp được chọn thí điểm; hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp điển hình xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp được lựa chọn hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn phải nâng cao được hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khoẻ con người.

4. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường: Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở CNNT.

5. Hỗ trợ hội chợ, triển lãm; tổ chức các phiên chợ kết nối cung - cầu: Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT và hỗ trợ các cơ sở CNNT đưa sản phẩm tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; Tổ chức phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn.

6. Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp: Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho các cụm công nghiệp; trong đó ưu tiên cho phát triển cụm công nghiệp tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

7. Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm CNNT: Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mây tre đan,...

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ mục tiêu, nội dung của Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025, dự kiến tổng kinh phí thực hiện Chương trình là: 39.506 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ: 24.150 triệu đồng;
- Nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh: 15.356 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 và 02 kèm theo)

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về tăng cường quản lý nhà nước về khuyến công

- Tiếp tục rà soát cơ chế, chính sách đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với thực tế của địa phương và phù hợp với các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Nâng cao chất lượng trong công tác khảo sát, xây dựng đề án khuyến công; tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án khuyến công đảm bảo nguồn kinh phí khuyến công được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và đúng quy định của pháp luật, tạo bước đột phá thúc đẩy CNNT phát triển.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương chính sách của nhà nước để người dân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển công nghiệp ở nông thôn.

2. Về nâng cao năng lực của bộ máy làm công tác khuyến công

- Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác khuyến công theo hướng chuyên nghiệp; củng cố và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về CN-TTCN đối với phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố; hỗ trợ hình thành và phát triển mạng lưới cộng tác viên khuyến công ở các huyện, xã, phường, thị trấn, đảm bảo triển khai có hiệu quả Chương trình khuyến công.

- Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ viên chức của các tổ chức dịch vụ khuyến công và cộng tác viên cấp xã.

3. Về huy động các nguồn tài chính cho Chương trình khuyến công

- Bám sát chỉ đạo của Cục Công Thương địa phương - Bộ Công Thương để tiếp cận kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho các hoạt động khuyến công hàng năm, đảm bảo cân đối nguồn kinh phí để thực hiện Chương trình.

- Tăng cường nguồn ngân sách địa phương đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện Chương trình một cách hiệu quả nhất.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách khuyến công bố trí đủ nguồn vốn đối ứng để triển khai thực hiện Chương trình.

4. Về tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước với các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp để triển khai có hiệu quả Chương trình khuyến công

- Triển khai thực hiện tốt các nội dung, chương trình phối hợp giữa Sở Công Thương với các tổ chức, đoàn thể (Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Liên minh HTX, các Hiệp hội doanh nghiệp,...) để triển khai Chương trình khuyến công đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị (các viện, trường, các chuyên gia, kỹ sư, các nhà quản lý...) để triển khai Chương trình khuyến công.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025; phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt; định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra hoạt động khuyến công trên địa bàn.

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng có trách nhiệm quản lý, triển khai thực hiện và thanh quyết toán kinh phí Chương trình đã được phê duyệt đúng đối tượng, đúng nội dung theo quy định của Nhà nước; định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

- Đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh khen thưởng các cá nhân, đơn vị có thành tích trong hoạt động phát triển CN-TTCN, thực hiện tốt công tác khuyến công, các cơ sở CNNT hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động, thực hiện tốt an toàn lao động,... trong sản xuất CN-TTCN nhằm khuyến khích thi đua phát triển sản xuất; đồng thời đề xuất kỷ luật các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong thực hiện Chương trình khuyến công theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí hàng năm để đảm bảo thực hiện hoạt động khuyến công theo nội dung Chương trình được duyệt và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kinh phí khuyến công đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

3. Các sở, ngành có liên quan: Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Công Thương thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến

công đã được phê duyệt; thực hiện lồng ghép với các đề án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác có liên quan đến phát triển CN-TTCN trên địa bàn, đảm bảo tránh trùng lặp với nội dung Chương trình khuyến công đã được phê duyệt.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xem xét, lựa chọn, thẩm định cấp cơ sở các đề án khuyến công trên địa bàn đủ điều kiện hỗ trợ, gửi Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định; hướng dẫn các cơ sở CNNT trên địa bàn lập hồ sơ, thủ tục xin hỗ trợ kinh phí khuyến công; chỉ đạo và kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình khuyến công trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm để hỗ trợ phát triển CN-TTCN trên địa bàn, trên cơ sở tình hình thực tế và nguồn kinh phí của địa phương để bố trí kinh phí cho hoạt động khuyến công.

- Tuyên truyền về cơ chế, chính sách khuyến công của Trung ương, của tỉnh đến đối tượng thụ hưởng trên địa bàn.

5. Các cơ sở công nghiệp nông thôn: Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh, nhu cầu của thị trường đối với sản phẩm do đơn vị mình sản xuất và khả năng nguồn vốn của đơn vị để lập kế hoạch đầu tư mở rộng hoặc nâng cấp dây chuyền, thiết bị máy móc, đào tạo nhân lực, tìm kiếm thị trường,... Trên cơ sở đó chủ động xây dựng kế hoạch, đề án khuyến công trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Triển khai thực hiện đề án được hỗ trợ khuyến công đúng tiến độ, đúng nội dung, sử dụng kinh phí đúng mục đích và hiệu quả.

Trường hợp các văn bản được căn cứ tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các sở, ngành, UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Công Thương, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục 1:
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Dự kiến kết quả đạt được								Tổng số
			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
			KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới	Mô hình	02	01	02	01	02	01	02	01	12
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN	Cơ sở	04	04	04	03	06	06	06	05	38
3	Hỗ trợ ứng dụng dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ, công nghệ tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN	Cơ sở	02		01		02		02		07
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp	Mô hình	01				01				02
5	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở CNNT	Cơ sở	01		01		02		01		05
6	Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT trong nước (kết hợp cả nguồn Trung ương và đối ứng của địa phương)	HC			01				01		02
7	Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong nước	HC		09		09		09		09	36
8	Tổ chức phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn	Phiên		03		03		03		03	12
9	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	Cụm	01		01		01		01		04
10	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm CNNT	Nhãn hiệu		09		07		09		07	32

Phụ lục 2:
DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng số
			KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới	Triệu đồng	1.800	800	1.900	800	2.000	900	2.000	1.000	11.200
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN	Triệu đồng	1.200	1.200	1.200	900	1.800	1.800	1.800	1.500	11.400
3	Hỗ trợ ứng dụng dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ, công nghệ tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN	Triệu đồng	900		450		900		900		3.150
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp	Triệu đồng	500				500				1.000
5	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở CNNT	Triệu đồng	300		300		600		300		1.500
6	Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT trong nước (kết hợp cả nguồn Trung ương và đối ứng của địa phương)	Triệu đồng			1.400	700			1.400	700	4.200
7	Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong nước	Triệu đồng		392		392		392		392	1.568
8	Tổ chức phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn	Triệu đồng		592		592		592		592	2.368
9	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	Triệu đồng	500		500		500		500		2.000
10	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm CNNT	Triệu đồng		315		245		315		245	1.120
	Tổng số:		5.200	3.299	5.750	3.629	6.300	3.999	6.900	4.429	39.506